

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện
các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mới cấp tỉnh đợt V, năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 3863/BKH-CN-KHTC ngày 15/12/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 5192/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục nhiệm vụ KH&CN tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1089/TTr-SKH-CN ngày 10/7/2023; của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3890/STC-HCSN ngày 06/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) mới cấp tỉnh đợt V năm 2023, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ KH&CN.

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 05 nhiệm vụ (có Danh mục chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

1.2. Kinh phí thực hiện: 8.612,595 triệu đồng (Tám tỷ, sáu trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

- Sự nghiệp KH&CN (phần NSNN hỗ trợ): 6.436,875 triệu đồng.
- Nguồn khác và nguồn tự có: 2.175,720 triệu đồng.

(Có dự toán chi tiết tại các Phụ lục: I.1, I.2, I.I, I.4, I.5 kèm theo).

2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ

2.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp kinh phí: 05 nhiệm vụ.

2.2. Tổng kinh phí cấp: 1.960,0 triệu đồng (*Một tỷ, chín trăm sáu mươi triệu đồng*).

2.3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN, ký kết hợp đồng nghiên cứu triển khai; kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí phần ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN; xác nhận và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đảm bảo đúng mục đích, nội dung theo dự toán được phê duyệt và theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình; việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phu lục I
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI CẤP TỈNH, ĐỢT V NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
1	Đề tài: Nghiên cứu, khảo nghiệm giống lúa nếp B-K6 năng suất, chất lượng cao phù hợp cho vùng lúa thâm canh của tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH Giống cây trồng Bắc Trung Bộ	- Chọn tạo được 01 giống lúa nếp mới (B-K6) ngắn ngày; gieo cấy được cả 2 vụ (vụ Xuân và Mùa sớm); có năng suất cao hơn giống lúa nếp N97, chất lượng gạo tương đương N97; khả năng chống chịu tốt với các loại sâu bệnh hại chủ yếu (đạo ôn, bạc lá, rầy nâu, ...). - Xây dựng được Quy trình kỹ thuật thâm canh và Quy trình kỹ thuật sản xuất giống đối với giống lúa nếp B-K6. - Xây dựng được các mô hình thâm canh của giống nếp B-K6 ở các tỉnh đại diện cho cho 3 vùng sinh thái trong tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh phía	1. Chọn lọc, duy trì giống lúa nếp B-K6, sản xuất hạt giống cấp siêu nguyên chủng, nguyên chủng. - Thời gian chọn lọc, duy trì giống thực hiện 3 vụ; Quy mô 24.500m ² . 2. Khảo nghiệm có kiểm soát: Đánh giá khả năng chống chịu một số loại sâu bệnh hại chính (Đạo ôn, bạc lá, rầy nâu). 3. Khảo nghiệm đánh giá giá trị canh tác, giá trị sử dụng (Khảo nghiệm VCU) đối với giống lúa Nếp B-K6: Thực hiện vụ Xuân 2023; Đơn vị thực hiện: Trung tâm khảo nghiệm giống sản phẩm cây trồng Quốc gia. 4. Nghiên cứu các biện	- Sản xuất được 2.000 kg giống lúa Nếp B-K6 cấp siêu nguyên chủng và 4.000 kg Nếp B-K6 cấp nguyên chủng đạt Chất lượng hạt giống đạt theo TCVN 12181:2018 - Bộ NN&PTNT. - 02 quy trình: Quy trình sản xuất hạt giống lúa nếp B-K6 và Quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa nếp B-K6 - Báo cáo kết quả xây dựng mô hình thâm canh giống lúa Nếp B-K6. - Quyết định công nhận lưu hành giống lúa nếp B-K6 của Cục trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Thanh Hóa và các tỉnh Phía Bắc để bổ sung vào cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh. - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu của đề tài. - Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành. - Báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.	30 tháng	1.763,26	1.421,83	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			Bắc (Trung du miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ). - Giống lúa nếp B-K6 được Cục trồng trọt- Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận lưu hành tại các tỉnh phía Bắc. - Sản xuất được 2.000 kg giống lúa nếp B-K6 cấp siêu nguyên chủng và 4.000 kg Nếp B-K6 cấp nguyên chủng.	pháp kỹ thuật canh tác giống lúa Nếp B-K6. * Thí nghiệm 1: Xác định mật độ cây thích hợp; Tổng diện tích thí nghiệm: 3.000 m² = 0,3 ha * Thí nghiệm 2: Xác định liều lượng phân NPK thích hợp cho giống B-K6 - Tổng diện tích thí nghiệm: 3.000 m² = 0,3 ha. 5. Xây dựng mô hình trình diễn giống lúa Nếp B-K6 Tổng diện tích 12,0 ha 6. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và công nhận lưu hành giống lúa nếp B-K6. Thành phần, số lượng, chủng loại hồ sơ theo đúng quy định của Luật Trồng trọt và Nghị định số 94/2019/NĐ-CP của Chính phủ về công nhận lưu hành giống cây trồng mới.					

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				7. Tổng kết đánh giá, xây dựng phương án nhân rộng kết quả của đề tài					
2	Đề tài: Tuyển chọn giống và xây dựng quy trình thâm canh, chế biến, bảo quản ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trung tâm Chuyên giao công nghệ và Khuyến nông - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	- Tuyển chọn được 02 giống ngô sinh khối đạt các chỉ tiêu, yêu cầu: năng suất bình quân ≥ 55 tấn/ha/vụ; hàm lượng chất khô $\geq 22\%$; protein $\geq 9\%$ khối lượng chất khô; tỷ lệ chất xơ $< 28\%$; được đưa vào cơ cấu giống của tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được 02 quy trình: + Quy trình kỹ thuật thâm canh ngô sinh khối cho 02 giống đã được tuyển chọn phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Thanh Hóa. + Quy trình chế biến, bảo quản ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc phù hợp với quy mô nông hộ, trang trại tại Thanh Hóa.	- Nghiên cứu tuyển chọn giống ngô sinh khối phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Thanh Hóa. - Khảo nghiệm bộ giống ngô sinh khối có năng suất, chất lượng cao phù hợp làm thức ăn xanh cho đại gia súc tại Thanh Hóa. - Đánh giá khả năng sử dụng làm thức ăn xanh của các giống ngô được tuyển chọn. - Tổng hợp xử lý số liệu, viết báo cáo chuyên môn: Kết quả tuyển chọn giống ngô sinh khối phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Thanh Hóa. - Nghiên cứu, xây dựng quy trình thâm canh và quy trình bảo quản, chế biến cho 02 giống ngô sinh khối được tuyển chọn trên	02 giống ngô sinh khối được tuyển chọn, với các chỉ tiêu, yêu cầu: năng suất bình quân ≥ 55 tấn/ha/vụ; hàm lượng chất khô $\geq 22\%$; protein $\geq 9,0\%$ khối lượng chất khô; tỷ lệ chất xơ $< 28\%$; được đưa vào cơ cấu giống của tỉnh Thanh Hóa. 02 quy trình được công nhận cấp cơ sở: + Quy trình kỹ thuật thâm canh ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc tại Thanh Hóa (mỗi giống được tuyển chọn có 1 quy trình tương ứng). + Quy trình chế biến, bảo quản ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc tại Thanh Hóa. 03 báo cáo chuyên đề: + Báo cáo kết quả tuyển chọn giống ngô sinh khối phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Thanh Hóa; + Báo cáo hiệu quả thực tế của mô hình thâm canh ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc tại Thanh Hóa;	24 tháng	1.969,71	1.648,22	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			- Đánh giá được hiệu quả thực tế của mô hình sản xuất ngô sinh khối; mô hình chế biến, bảo quản ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc tại các huyện của tỉnh Thanh Hóa.	địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Nghiên cứu, xây dựng quy trình thâm canh cho 02 giống ngô sinh khối được tuyển chọn trên địa bàn tỉnh. - Nghiên cứu, xây dựng quy trình chế biến, bảo quản cho giống ngô sinh khối được tuyển chọn trên địa bàn tỉnh. 3. Xây dựng mô hình thâm canh; mô hình chế biến, bảo quản ngô sinh khối và đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền. - Xây dựng mô hình sản xuất thâm canh ngô sinh khối - Xây dựng mô hình chế biến, bảo quản ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc.	+ Báo cáo hiệu quả của mô hình chế biến và bảo quản ngô sinh khối quy mô nông hộ, trang trại tại Thanh Hóa. - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu của đề tài. - Tập huấn cho 150 lượt người dân về quy trình kỹ thuật thâm canh ngô sinh khối và 150 lượt người dân về quy trình chế biến, bảo quản ngô làm thức ăn cho đại gia súc quy mô trang trại, hộ gia đình. - 01 file điện tử ghi lại hình quá trình triển khai thực hiện đề tài. - Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.				
3	Đề tài: Nghiên cứu phục tráng và phát triển vùng sản xuất giống lúa đặc sản	Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê	- Phục tráng được giống lúa nếp Cái hoa vàng (hiện đang bị thoái hóa); Hoàn thiện được hướng dẫn kỹ thuật thâm canh lúa nếp	- Phục tráng giống lúa Nếp Cái hoa vàng siêu nguyên chủng. [3 vụ : Vụ 1(G0); vụ 2(G1); vụ 3(G2)]. - Hoàn thiện được hướng dẫn kỹ thuật	- Báo cáo kết quả phục tráng giống nếp Cái Hoa vàng siêu nguyên chủng. - 1.000 kg giống lúa nếp Cái Hoa vàng siêu nguyên chủng. - Bản mô tả các tính trạng của lúa nếp Cái Hoa vàng Thanh	36 tháng	2.727,33	1.298,6	Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
	Nếp cái hoa vàng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa		Cái hoa vàng cho giống lúa đã được phục tráng. - Lựa chọn được vùng sản xuất phù hợp để mở rộng diện tích sản xuất lúa nếp Cái hoa vàng ở Thanh Hóa - Xây dựng được mô hình sản xuất lúa nếp Cái hoa vàng quy mô 10-20 ha (Sử dụng giống mới được phục tráng, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh mới được hoàn thiện, trên vùng sản xuất mới được lựa chọn). - Đánh giá được hiệu quả thực tế của mô hình sản xuất lúa nếp Cái hoa vàng (sử dụng giống mới được phục tráng, áp dụng hướng dẫn kỹ thuật thâm canh mới được hoàn thiện, trên vùng sản xuất mới được lựa chọn)	thâm canh lúa nếp Cái Hoa vàng cho giống lúa đã được phục tráng. - Nghiên cứu, lựa chọn vùng sản xuất tại huyện Hà Trung, huyện Thạch Thành, huyện Ngọc Lặc - Xây dựng mô hình sản xuất lúa nếp Cái Hoa vàng. - Đánh giá được hiệu quả thực tế của mô hình sản xuất lúa nếp Cái Hoa vàng (Sử dụng giống mới được phục tráng, áp dụng kỹ thuật thâm canh mới được hoàn thiện, trên vùng sản xuất mới được lựa chọn) để làm cơ sở khoa học cho việc mở rộng diện tích sản xuất trên qui mô lớn - Xây dựng phương án phát triển lúa nếp Cái Hoa vàng ở Thanh Hóa. - Tổng kết, nghiệm thu đề tài.	Hóa. - Báo cáo kết quả điều tra vùng sản xuất lúa nếp Cái Hoa vàng. - Báo cáo về việc hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật. - Bản hướng dẫn kỹ thuật thâm canh lúa nếp Cái Hoa vàng tại Thanh Hóa. - Báo cáo kết quả về mô hình sản xuất lúa nếp Cái Hoa vàng qui mô 10 ha. - Phương án phát triển sản xuất lúa nếp Cái Hoa Vàng ở Thanh Hóa - Báo cáo khoa học tổng kết đề tài.				

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			để làm cơ sở khoa học cho việc mở rộng diện tích sản xuất trên quy mô lớn						
4	Đề tài: Nghiên cứu đặc điểm sinh học, xây dựng mô hình nuôi sinh sản và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển loài Cheo cheo (<i>Tragulus kanchil</i>) tại Vườn Quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa.	Vườn Quốc gia Bến En	- Xác định được một số đặc điểm sinh học, sinh thái cơ bản (phân bố, hiện trạng, sinh cảnh, tập tính, thức ăn ...) của loài Cheo cheo. - Xây dựng được mô hình nuôi sinh sản (nuôi bán hoang dã) loài Cheo cheo tại Vườn Quốc gia Bến En (cứu hộ, chăm sóc để tái thả về tự nhiên và phục vụ cung cấp giống, thương phẩm). - Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi sinh sản Cheo cheo. - Đánh giá hiệu quả kinh tế và các tác động tiêu cực (xã hội, môi trường) trong nuôi Cheo cheo. - Giải pháp bảo tồn và phát triển loài	- Điều tra hiện trạng phân bố và một số đặc điểm sinh thái, sinh học cơ bản của loài Cheo cheo tại Vườn Quốc gia Bến En - Khảo sát tình hình chăn nuôi, mối đe dọa đối với loài Cheo cheo tại vùng đệm Vườn Quốc gia Bến En. - Xây dựng mô hình nuôi bán hoang dã; tiến hành nghiên cứu một số đặc điểm sinh học cơ bản trong điều kiện nuôi bán hoang dã loài Cheo cheo. - Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi Cheo cheo sinh sản trong điều kiện nuôi bán hoang dã và tập huấn cho người dân vùng đệm. - Xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển loài Cheo cheo tại	- Mô hình nuôi Cheo cheo sinh sản, 15 Cheo cheo mẹ; 5 Cheo cheo bố. - Báo cáo chuyên đề điều tra hiện trạng phân bố và đặc điểm sinh thái, sinh học cơ bản của loài Cheo cheo tại Vườn Quốc gia Bến En (chuyên đề 1). - Bản đồ phân bố Cheo cheo tại VQG Bến En. - Báo cáo điều tra khảo sát đánh giá hiện trạng chăn nuôi và các mối đe dọa đối với loài Cheo cheo tại vùng đệm VQG Bến En (chuyên đề 2). - Báo cáo nghiên cứu, theo dõi đặc điểm sinh học cơ bản (tập tính) của cheo cheo tại VQG Bến En (chuyên đề 3). - Bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi Cheo cheo sinh sản trong điều kiện nuôi bán hoang dã. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế và dự báo nhu cầu sản phẩm của thị trường (chuyên đề 4)	36 tháng	1.101,04	1.016,97	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hóa

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			Cheo cheo ở Vườn Quốc gia Bến En (khu vực, sinh cảnh, khả năng và xác định tỷ lệ tái thả về tự nhiên ...).	Vườn Quốc gia Bến En và Phường án sử dụng kết quả nghiên cứu đề tài. - Tổng kết, nghiệm thu kết quả đề tài.	- Báo cáo đánh giá hiệu quả xây dựng mô hình chăn nuôi cheo sinh sản (chuyên đề 5). - Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài. - Bản kế hoạch bảo tồn và phát triển loài Cheo cheo. - Báo cáo tổng kết đề tài - Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành, Website của Vườn; Website của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hoá.				
5	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	- Đánh giá được thực trạng xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được 1-2 mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm OCOP trong lĩnh vực thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	- Đánh giá thực trạng xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và nghiên cứu bài học kinh nghiệm từ một số địa phương khác. - Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm OCOP trên	- Báo cáo kết quả đánh giá thực trạng xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Báo cáo đầy đủ thông tin theo nội dung nghiên cứu; Số liệu, tư liệu có tính đại diện, có độ tin cậy, xác thực. Được Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do đơn vị chủ trì thành lập thẩm định đạt yêu cầu). - Báo cáo giải pháp xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. (Các giải	24 tháng	1.051,255	1.051,255	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			- Hỗ trợ được 02 sản phẩm OCOP trong lĩnh vực thực phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. - Đề xuất được các giải pháp xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài.	- địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng 02 mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm OCOP trong lĩnh vực thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Hỗ trợ 02 sản phẩm OCOP trong lĩnh vực thực phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. - Xây dựng và biên tập cuốn cẩm nang “Kiến thức và kỹ năng xây dựng, phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP”. -Đào tạo, tập huấn -Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài -Tổng kết, nghiệm thu kết quả đề tài.	- pháp cụ thể, khả thi, nêu rõ được cơ quan, tổ chức dự kiến thực hiện từng giải pháp. Được Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do đơn vị chủ trì thành lập thẩm định đạt yêu cầu). - Báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả của mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm Đông trùng hạ thảo “Thảo Ngọc Việt” của Công ty Cổ phần Thảo Ngọc Việt. Báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả của mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm nước mắm Cự Nham của Công ty TNHH Nước mắm Cự Nham. (Báo cáo đầy đủ thông tin theo nội dung nghiên cứu; Số liệu, tư liệu có tính đại diện, có độ tin cậy, xác thực. Được Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do đơn vị chủ trì thành lập thẩm định đạt yêu cầu). - 02 sản phẩm OCOP trong lĩnh vực thực phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (02 sản phẩm OCOP trong lĩnh vực				

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
					thực phẩm được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ). - Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu của đề tài (Nêu rõ tên cơ quan, đơn vị dự kiến sử dụng kết quả nghiên cứu. Có đầy đủ thông tin về nguồn lực, phương thức, thời gian sử dụng từng sản phẩm của đề tài). - Báo cáo kiến nghị với UBND tỉnh (Đề xuất việc sử dụng và áp dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài. Có thể áp dụng ngay vào thực tiễn hoặc cần phải có những nghiên cứu tiếp theo; Kiến nghị bàn giao từng sản phẩm cho đơn vị đề xuất đặt hàng và các tổ chức khác có nhu cầu). - 01 bài báo công bố kết quả đề tài (Được đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISN). - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài (Tổng quan được các kết quả nghiên cứu liên quan đến nhiệm vụ. Số liệu, tư liệu có tính đại diện, có độ tin cậy, xác thực. Nội dung				

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
					báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống và logic khoa học. Các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn, phản ánh trung thực, đầy đủ kết quả nghiên cứu của của nhiệm vụ. Kết cấu nội dung, văn phong phù hợp, theo quy định).				
	Cộng						8.612,595	6.436,875	

Danh mục ấn định có 05 nhiệm vụ KH&CN.

Phụ lục I.1
Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu, khảo nghiệm giống lúa nếp B-K6 năng suất, chất lượng cao
phù hợp cho vùng lúa thâm canh của tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH		Tự có	Khác
			Tổng	Trong đó khoản chi theo quy định		
1	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	1.149,82	931,91	931,91	217,91	
2	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	218,27	94,75		46,50	77,02
3	Khoản 3: Thiết bị, máy móc					
4	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
5	Khoản 5: Chi khác	395,17	395,17	395,17		
	Tổng	1.763,26	1.421,83	1.327,08	264,41	77,02

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 973/KLTĐ-SKHCHN ngày 21/6/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.2

**Dự toán chi tiết đề tài: “Tuyển chọn giống và xây dựng quy trình thâm canh, chế biến, bảo quản
ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH		Tự có	Khác
			Tổng	Trong đó khoản chi theo quy định		
1	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	1.143,37	1.143,37	1.143,37	0	0
2	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	609,72	288,23	0	0	321,49
3	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0	0
4	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0	0
5	Khoản 5: Chi khác	216,63	216,63	216,63	0	0
	Tổng	1.969,71	1.648,22	1.360,0	0	321,49

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 972/KLTĐ-SKHCHN ngày 21/6/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.3

**Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu phục tráng và phát triển vùng sản xuất giống lúa đặc sản
Nếp cái hoa vàng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH		Tự có	Khác
			Tổng	Trong đó khoản chi theo quy định		
1	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	2.052,299	867,544	867,544	731,680	453,075
2	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	462,998	256,724	0	169,197	37,077
3	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0	0,00
4	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0	0,00
5	Khoản 5: Chi khác	212,030	174,330	174,330	37,700	0
	Tổng	2.727,33	1.298,60	1.041,87	938,58	490,15

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 961/KLTD-SKHCHN ngày 19/6/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.4

Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu đặc điểm sinh học, xây dựng mô hình nuôi sinh sản và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển loài Choe cheo (*Tragulus kanchil*) tại Vườn Quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH		Tự có	Khác
			Tổng	Trong đó khoán chi theo quy định		
1	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	484,42	484,42	484,42	0	0
2	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	390,49	340,42	0	50,07	0
3	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	18,25	18,25	0	0	0
4	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	34,00	0	0	34,00	0
5	Khoản 5: Chi khác	173,88	173,88	173,88	0	0
	Tổng	1.101,04	1.016,97	658,30	84,07	0

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 773/KLTĐ-SKHCHN ngày 22/5/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục I.5
Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và phát triển chuỗi giá trị
trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH		Tự có	Khác
			Tổng	Trong đó khoản chi theo quy định		
1	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	825,975	825,975	825,975	0	0
2	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	0	0	0	0	0
3	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0	0
4	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0	0
5	Khoản 5: Chi khác	225,28	225,28	155,28	0	0
	Tổng cộng	1.051,255	1.051,255	981,255	0	0

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 689/KLTĐ-SKHCHN ngày 05/5/2023 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

Phụ lục II

CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI CẤP TỈNH ĐỢT V, NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND tỉnh ngày/...../2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí		
				Tổng số	SNKH	SNKH cấp đợt này
1	Đề tài: Nghiên cứu, khảo nghiệm giống lúa nếp B-K6 năng suất, chất lượng cao phù hợp cho vùng lúa thâm canh của tỉnh Thanh Hóa.	Công ty TNHH Giống cây trồng Bắc Trung Bộ	30 tháng	1.763,260	1.421,830	430
2	Đề tài: Tuyển chọn giống và xây dựng quy trình thâm canh, chế biến, bảo quản ngô sinh khối làm thức ăn cho đại gia súc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.	24 tháng	1.969,710	1.648,220	500
3	Đề tài: Nghiên cứu phục tráng và phát triển vùng sản xuất giống lúa đặc sản Nếp cái hoa vàng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Công ty Cổ phần Thương mại Sao Khuê	36 tháng	2.727,330	1.298,600	400
4	Đề tài: Nghiên cứu đặc điểm sinh học, xây dựng mô hình nuôi sinh sản và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển loài Cheo cheo (<i>Tragulus kanchil</i>) tại Vườn Quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa.	Vườn Quốc Gia Bến En	36 tháng	1.101,040	1.016,970	310
5	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	24 tháng	1.051,255	1.051,255	320
Tổng				8.612,595	6.436,875	1.960